UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2666/TTr-UBND	*Gia Lai, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH GIA LAI
Số: 5567
ĐẾN Ngày: 23/11/2018
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

TỜ TRÌNH

Về việc triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Bảy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Bảy xem xét cho triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023 như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản:

Tại Điều 25 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định " Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm: Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước".

Điều 27 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ về việc thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV quy định việc ban hành Đề án hỗ trợ DNNVV "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo thống nhất về tính đồng bộ, mục tiêu đối tượng trọng tâm hỗ trợ để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định chủ trương trước khi ra quyết định phê duyệt triển khai Đề án". Ủy ban nhân dân tỉnh đã có công văn số 2421/UBND-KTTH ngày 29/10/2018 xin ý kiến Bộ kế hoạch và Đầu tư về Đề án hỗ trợ DNNVV tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023, hiện nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang xem xét cho ý kiến.

Đối với tỉnh Gia Lai, theo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Gia Lai (Thông báo số 45/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 25/01/2017), trong đó có nội dung phấn đấu đến hết năm

2020 toàn tỉnh có trên 7.000 doanh nghiệp, để thực hiện mục tiêu này, từ 2018 đến hết năm 2020 phải có khoảng 2.800 thành lập mới.

Khó khăn đặt ra hiện nay trong hoạt động khởi nghiệp là nhiều doanh nghiệp có ý tưởng tốt, có phương án đầu tư khả thi và mong muốn đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng thiếu sự hỗ trợ, giúp đỡ của Nhà nước. Để giúp các tổ chức và cá nhân khởi nghiệp thành công, cần sự hỗ trợ ban đầu của nhà nước, sự chung tay hỗ trợ của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội trong các hoạt động xây dựng, triển khai các chương trình, chính sách, đề án hỗ trợ, đồng hành với các cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp từ khi hình thành ý tưởng, phương án khởi nghiệp cho đến khi tham gia thị trường, cần thiết phải ban hành các chính sách hỗ trợ DNNVV để khuyến khích khởi sự, khởi nghiệp.

Từ các căn cứ pháp lý và điều kiện thực tiễn tại địa phương, trong khi chờ ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Bảy thông qua chủ trương ban hành Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019 – 2023.

(có Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019 – 2023 kèm theo)

2. Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ và nguồn lực thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019 – 2023 là:

a) Số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ:

Với 02 đối tượng hỗ trợ và các nội dung hỗ trợ quy định tại Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ, căn cứ tình hình hoạt động của các doanh nghiệp và điều kiện hiện nay của địa phương, dự kiến mỗi năm sẽ hỗ trợ cho 48 doanh nghiệp, với tổng số 24 nội dung hỗ trợ bằng tiền, mỗi năm với mỗi nội dung hỗ trợ sẽ có 02 doanh nghiệp được hỗ trợ. Thời gian thực hiện Đề án là 05 năm, từ 2019-2023.

b) Nguồn lực thực hiện đề án:

Trên cơ sở xác định số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ, căn cứ điều kiện hiện nay của địa phương, đề xuất nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: Từ ngân sách địa phương và hỗ trợ từ các doanh nghiệp.

- Từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách địa phương: 5.000.000.000 đồng (mỗi năm 1 tỷ đồng).

- Nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân khác: 1.000.000.000 đồng (mỗi năm 200 triệu đồng). Dự kiến huy động từ một số doanh nghiệp.

* Phân bổ kinh phí:

+ Năm 2019: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2020: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2021: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2022: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2023: 1.200.000.000 đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019 – 2023, đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Bảy xem xét, quyết định.

Sau khi có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh sẽ tiếp thu, hoàn chỉnh, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019 – 2023./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TTr. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TTr. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở KH và ĐT, Tài chính;
- Lưu VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Hoàng

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Gia Lai, ngày tháng năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Về việc triển khai Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi gí trị trên địa nàn tỉnh Gia Lai gia đoạn 2019-2023

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày /11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc xin triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế- Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI, kỳ họp thứ Bảy,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đồng ý chủ trương thực hiện Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023, như đề xuất của UBND tỉnh tại Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2018.

Điều 2. Sau khi có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến trước khi phê duyệt và triển khai Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XI, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 12 năm 2018 ./.

Nơi nhận:
- Ủy ban TVQH;
- VPQH; VPCP;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ NNPTNT;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: http://dbnd.gialai.gov.vn;
- Báo Gia Lai; Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu VT- TH.

CHỦ TỊCH

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày tháng năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 15/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số /TTr-SKHĐT ngày / /2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2023 (có Đề án chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thường trực Tỉnh ủy (b/c); - Thường trực HĐND tỉnh (b/c); - Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh; - Các PCVP UBND tỉnh - UB Mặt trận và các tổ chức chính trị – xã hội; tổ chức xã hội – nghề nghiệp; - Đài truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai; - Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Lưu VT, KTTH.	**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ ÁN
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2019 – 2023

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2018 của UBND tỉnh Gia Lai)

I. Mục tiêu

1. Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) phát triển về số lượng, chất lượng; huy động và phát huy nội lực vào phát triển kinh tế xã hội, góp phần vào tăng trưởng kinh tế, tăng thu ngân sách và tham gia giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội như: Tạo việc làm, xoá đói, giảm nghèo, an sinh xã hội.

2. Phấn đấu hàng năm có khoảng 48 DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị được hỗ trợ. Đến năm 2023 có khoảng 240 DNNVV được hỗ trợ, phát triển.

II. Nguyên tắc thực hiện hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Đề án này.

2. Căn cứ nguồn lực hỗ trợ, cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa quyết định số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ đảm bảo nguyên tắc:

- DNNVV do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ hơn nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện được hỗ trợ trước.

- DNNVV nộp hồ sơ đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ trước được hỗ trợ trước.

- Việc hỗ trợ DNNVV được thực hiện sau khi doanh nghiệp đã hoàn tất việc thanh toán các chi phí có liên quan đến nội dung đề nghị hỗ trợ.

III. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng:

- DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

- DNNVV tham gia cụm liên kết ngành.

2. Điều kiện hỗ trợ.

a) DNNVV khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần.

- Là DNNVV được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh. Đáp ứng một trong các tiêu chí sau về đổi mới sáng tạo:

+ Có sản phẩm sáng tạo/ý tưởng được vào vòng chung kết của các cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo được tổ chức trên địa bàn tỉnh hoặc các địa phương khác trên phạm vi toàn quốc (kể cả các cuộc thi từ các vườn ươm doanh nghiệp, câu lạc bộ khởi nghiệp).

+ Có sản phẩm sáng tạo/ý tưởng đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo DNNVV (có hợp đồng ươm tạo hoặc có chứng nhận đã qua quá trình tuyển chọn, ươm tạo).

+ Có sản phẩm sáng tạo/ý tưởng được Hội đồng lựa chọn doanh nghiệp tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo thẩm định, quyết định lựa chọn.

+ Có sản phẩm đã được đăng ký và xác nhận của đơn vị có thẩm quyền về xác nhận đăng ký sở hữu trí tuệ theo các hình thức: Bằng sáng chế (độc quyền sáng chế hoặc độc quyền giải pháp hữu ích); kiểu dáng công nghiệp; thiết kế bố trí.

+ Có sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ.

b) DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 3 Luật Hỗ trợ DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được hỗ trợ nếu đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

- Tạo ra sản phẩm có lợi thế cạnh tranh về chất lượng và giá thành.

- Có đổi mới sáng tạo về quy trình công nghệ, vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị.

IV. Trình tự, thủ tục lựa chọn, hỗ trợ

1. Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm:

- Mẫu xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ;

- Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện được hỗ trợ đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo Mục III Đề án này.

- Tài liệu tương ứng với nội dung đề nghị hỗ trợ: Hợp đồng, văn bản xác nhận hoặc các văn bản khác tương đương; chứng từ đã hoàn tất việc thanh toán các chi phí tương ứng.

2. Lựa chọn doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đề án.

a) Đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo:

- Sau khi nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, trong thời gian 15 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Hội đồng lựa chọn doanh nghiệp tham gia Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được thành lập theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ (gọi tắt là Hội đồng hỗ trợ); Hội đồng hỗ trợ căn cứ nguyên tắc lựa chọn, đối tượng, điều kiện hỗ trợ để xem xét, quyết định lựa chọn doanh nghiệp để hỗ trợ.

- Quyết định hỗ trợ bao gồm các nội dung: Thông tin doanh nghiệp được hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ, thông tin khác có liên quan (nếu có).

b) Đối với DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Sau khi nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp, trong thời gian 15 ngày làm việc, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xem xét, quyết định lựa chọn doanh nghiệp để hỗ trợ.

- Quyết định hỗ trợ bao gồm các nội dung: Thông tin doanh nghiệp được hỗ trợ, nội dung, mức hỗ trợ, thông tin khác có liên quan (nếu có).

3. Hỗ trợ cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở Quyết định hỗ trợ, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan chi trả chi phí hỗ trợ cho doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc.

4. Công khai thông tin.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện công khai nội dung thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác có liên quan theo quy định tại Điều 29 Luật Hỗ trợ DNNVV.

- Việc công khai thông tin hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phải được thực hiện chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định hỗ trợ cho doanh nghiệp.

V. Nội dung hỗ trợ.

1. Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

1.1. Phương thức lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo tham gia Đề án.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Hỗ trợ DNNVV khi đáp ứng điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa được lựa chọn tham gia Đề án theo một trong các phương thức:

a) Được đầu tư, lựa chọn bởi các cơ quan, tổ chức bao gồm:

- Các khu làm việc chung quy định tại Điều 12 Luật Hỗ trợ DNNVV.

- Các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, đáp ứng các tiêu chí sau: Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính và hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp; tổ chức có ít nhất 01 năm hoạt động, cung cấp dịch vụ cho ít nhất 10 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và đã đầu tư hoặc gọi vốn đầu tư được ít nhất 01 tỷ đồng cho các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo tại Việt Nam.

- Các Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại Điều 18 Luật Hỗ trợ DNNVV.

b) Được nhận các giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo.

c) Được cấp giấy chứng nhận, văn bằng bảo hộ đối với sáng kiến, sáng chế.

d) Được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao.

đ) Được lựa chọn trực tiếp bởi Hội đồng hỗ trợ.

1.2. Nội dung hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo.

a) Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ; khai thác và phát triển tài sản trí tuệ.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

b) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới:

- Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm.

c) Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.

d) Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa.

- Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khóa đào tạo và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

- Miễn phí tra cứu, khai thác, cung cấp thông tin, cơ sở dữ liệu về sáng chế, thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu.

- Hỗ trợ kinh phí tham gia triển lãm, hội chợ công nghệ: Thực hiện theo Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 23/5/2016 của UBND tỉnh Gia Lai quy định về một số chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Miễn phí cung cấp thông tin, truyền thông về kết nối mạng lưới khởi nghiệp sáng tạo, thu hút đầu tư từ các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.

đ) Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung

- Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, tối đa không quá 50 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

2. Hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2.1. Tiêu chí lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

Việc lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị trong lĩnh vực sản xuất, chế biến để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Đóng góp cao trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của quốc gia hoặc địa phương.

- Tạo việc làm cho người lao động.

- Tạo ra giá trị gia tăng cao.

- Có số lượng doanh nghiệp tham gia lớn.

2.2. Phương thức lựa chọn DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tham gia Đề án.

DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị quy định tại khoản 2, khoản 7 Điều 3 Luật Hỗ trợ DNNVV hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hỗ trợ DNNVV được lựa chọn tham gia Đề án theo một trong các phương thức:

- Có hợp đồng hợp tác, liên kết với các doanh nghiệp dẫn dắt trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Có hợp đồng mua chung nguyên vật liệu đầu vào.

- Có hợp đồng bán chung sản phẩm.

- Cùng xây dựng và sử dụng thương hiệu vùng.

2.3. Nội dung hỗ trợ DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

a) Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm.

b) Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

c) Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường

- Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội trợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, tối đa không quá 30 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm; được ưu tiên tham gia Chương trình xúc tiến thương mại có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.

d) Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

- Cung cấp thông tin miễn phí về hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong nước và quốc tế thuộc lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

đ) Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

- Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, tối đa không quá 10 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm.

- Hỗ trợ sử dụng các phòng thử nghiệm về chất lượng hàng hóa của doanh nghiệp tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

- Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm.

- Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 lần và không quá 01 lần trên năm.

VI. Nguồn lực thực hiện.

- Tổng kinh phí bố trí thực hiện các nội dung hỗ trợ tại mục V của Đề án là 6.000.000.000 đồng, bao gồm:

+ Từ nguồn chi thường xuyên của ngân sách địa phương: 5.000.000.000 đồng (mỗi năm 1 tỷ đồng).

+ Nguồn tài trợ từ các tổ chức, cá nhân khác: 1.000.000.000 đồng (mỗi năm 200 triệu đồng).

- Phân bổ kinh phí:

+ Năm 2019: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2020: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2021: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2022: 1.200.000.000 đồng.

+ Năm 2023: 1.200.000.000 đồng.

VII. Cơ chế quản lý, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện.

1. Kiểm tra, giám sát việc hỗ trợ DNNVV.

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân tài trợ kiểm tra, giám sát việc thực hiện nội dung, chương trình hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật.

- Nội dung kiểm tra, giám sát bao gồm:

+ Việc lựa chọn đối tượng hỗ trợ; việc thực hiện trình tự, thủ tục và nội dung hỗ trợ.

+ Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ, tài trợ.

+ Việc thực hiện công khai thông tin hỗ trợ DNNVV quy định tại Điều 29 của Luật Hỗ trợ DNNVV.

2. Đánh giá hỗ trợ DNNVV.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức đánh giá, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện, tác động dự kiến đối với đối tượng hỗ trợ và công khai kết quả đánh giá theo các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật Hỗ trợ DNNVV.

VIII. Thời gian thực hiện Đề án.

Đề án được áp dụng, triển khai trong giai đoạn năm 2019- năm 2023.

IX. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Là cơ quan chủ trì Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

- Thành lập Hội đồng lựa chọn đối tượng tham gia Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xác định, lựa chọn cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị để hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Đề án.

- Đề xuất UBND tỉnh tôn vinh DNNVV có thành tích, đổi mới sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai Đề án hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị.

2. Sở Tài chính.

- Trên cơ sở dự toán được lập của các đơn vị, Sở Tài chính phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành có liên quan cân đối khả năng ngân sách báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ thực hiện Đề án sau khi Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Phân công cán bộ tham gia Hội đồng hỗ trợ; tham gia thẩm định lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị để hỗ trợ theo các nội dung của Đề án.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai việc giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân Trẻ tỉnh, Câu lạc bộ Nữ doanh nghiệp tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác phối hợp trong việc triển khai thực hiện Đề án và các nội dung hỗ trợ khác có liên quan.

- Phối hợp tham gia Hội đồng hỗ trợ; tham gia thẩm định lựa chọn DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị để hỗ trợ theo các nội dung của Đề án.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai việc giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Đề án.

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 20 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

5. Các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, huy động các nguồn lực hỗ trợ hội viên là DNNVV.

- Tham gia xây dựng, phản biện, triển khai chính sách liên quan đến hỗ trợ DNNVV; tham gia đánh giá các chương trình hỗ trợ DNNVV.

- Thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật và điều lệ của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn với các DNNVV.

6. Các DNNVV: Cung cấp thông tin, hồ sơ đầy đủ, kịp thời chính xác theo quy định, chịu trách nhiệm về những thông tin, tài liệu đã cung cấp; sử dụng các nguồn lực hỗ trợ của tỉnh hiệu quả, đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện Đề án, nếu có vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tổng hợp ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư bằng văn bản, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

UBND TỈNH GIA LAI

PHỤ LỤC: KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN HỖ TRỢ DNNVV KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO, DNNVV THAM GIA CỤM LIÊN KẾT NGÀNH, CHUỖI GIÁ TRỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2019 - 2023

ĐVT: 1.000đ

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa	Tổng số DN được hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2013	Tổng số DN được hỗ trợ trong 1 năm	Kinh phí hỗ trợ			Thời gian hỗ trợ					Ghi chú
					Tổng kinh phí	Phân chia nguồn		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
						NSNN tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức cá nhân						
I	**Hỗ trợ DNNVV khởi nghiệp sáng tạo**												
1	**Hỗ trợ tư vấn về sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ**												
1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
1.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	Vận dụng theo điểm c, khoản 3, điều 13 NĐ 39

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa	Tổng số DN được hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2013	Tổng số DN được hỗ trợ trong 1 năm	Kinh phí hỗ trợ			Thời gian hỗ trợ					Ghi chú
					Tổng kinh phí	Phân chia nguồn		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
						NSNN tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức cá nhân						
1.4	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý: quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	Vận dụng theo điểm c. khoản 3. điều 13 NĐ 39
2	**Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới**												
2.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
2.2	Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo: giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường: giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm:	30.000	10	2	300.000	300.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	3 nội dung thử nghiệm
2.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tự tổ chức đo lường: quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	Vận dụng theo điểm c. khoản 3. điều 13 NĐ 39

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa	Tổng số DN được hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2013	Tổng số DN được hỗ trợ trong 1 năm	Kinh phí hỗ trợ			Thời gian hỗ trợ					Ghi chú
					Tổng kinh phí	Phân chia nguồn		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
						NSNN tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức cá nhân						
2.4	Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên một lần thử và không quá 01 lần trên năm.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
3	**Hỗ trợ về ứng dụng, chuyển giao công nghệ**												
3.1	Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm.	100.000	10	2	1.000.000	1.000.000		200.000	200.000	200.000	200.000	200.000	
4	**Hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung**												
4.1	Hỗ trợ 100% chi phí sử dụng trang thiết bị tại các cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhưng không quá 50 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên một năm	50.000	10	2	500.000	500.000		100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	
4.2	Hỗ trợ 50% nhưng không vượt quá 5 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo phí tham gia các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.	60.000	10	2	600.000	600.000		120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	Không quá 60 triệu/năm/ DN
5	**Hỗ trợ về đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa**												

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa	Tổng số DN được hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2013	Tổng số DN được hỗ trợ trong 1 năm	Kinh phí hỗ trợ			Thời gian hỗ trợ					Ghi chú
					Tổng kinh phí	Phân chia nguồn		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
						NSNN tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức cá nhân						
5.1	Hỗ trợ 50% chi phí đào tạo chuyên sâu về các nội dung sau: Xây dựng, phát triển sản phẩm; thương mại hóa sản phẩm; gọi vốn đầu tư; phát triển thị trường; kết nối mạng lưới khởi nghiệp với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học. Chi phí hỗ trợ không quá 20 triệu đồng trên một khóa đào tạo và không quá 01 khóa đào tạo trên năm	100.000			500.000	500.000		100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	5 nội dung đào tạo/năm
5.2	Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, nhưng không quá 30 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên 1 năm	30.000	10	2	300.000	300.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	
II	**Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị**												
1	**Hỗ trợ liên kết sản xuất, kinh doanh**												
1.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thúc đẩy liên kết trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
1.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng các dự án liên kết kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển thị trường, nâng cao giá trị của sản phẩm, hàng hóa;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	Vận dụng theo điểm c, khoản 3, điều 13 NĐ 39
2	**Hỗ trợ phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường:**												

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa	Tổng số DN được hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2013	Tổng số DN được hỗ trợ trong 1 năm	Kinh phí hỗ trợ			Thời gian hỗ trợ					Ghi chú
					Tổng kinh phí	Phân chia nguồn		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
						NSNN tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức cá nhân						
2.1	Hỗ trợ 100% chi phí gian hàng tại Hội chợ triển lãm xúc tiến thương mại trong nước và quốc tế, nhưng không quá 30 triệu đồng trên một doanh nghiệp trên 1 năm	30.000	10	2	300.000	300.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	
2.2	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	Vận dụng theo điểm c, khoản 3, điều 13 NĐ 39
2.3	Hỗ trợ 100% chi phí hợp đồng tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu chuỗi giá trị và cụm liên kết ngành nhưng không quá 20 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng trên năm.	20.000	10	2	200.000	200.000		40.000	40.000	40.000	40.000	40.000	
3	**Tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng**												
3.1	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở;quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
3.2	Giảm 50% phí thử nghiệm mẫu phương tiện đo; giảm 50% phí kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường; giảm 50% chi phí cấp dấu định lượng của hàng đóng gói sẵn phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm;	30.000	10	2	300.000	300.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	3 nội dung hỗ trợ

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ tối đa	Tổng số DN được hỗ trợ cả giai đoạn 2019-2013	Tổng số DN được hỗ trợ trong 1 năm	Kinh phí hỗ trợ			Thời gian hỗ trợ					Ghi chú
					Tổng kinh phí	Phân chia nguồn		Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	
						NSNN tỉnh	Nguồn vốn hợp pháp từ các tổ chức cá nhân						
3.3	Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp tự tổ chức đo lường: quy định mức tối đa không quá 10 triệu đồng/ hợp đồng.	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
4	**Hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng**												
4.1	Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa, không quá 10 triệu đồng trên 1 nội dung đối với 1 doanh nghiệp	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
4.2	Giảm 50% phí thử nghiệm về chất lượng hàng hóa tại hệ thống thử nghiệm thuộc cơ quan quản lý nhà nước nhưng không quá 10 triệu đồng trên 01 lần thử và không quá 01 lần trên năm;	10.000	10	2	100.000	100.000		20.000	20.000	20.000	20.000	20.000	
4.3	Hỗ trợ 50% chi phí hợp đồng đặt hàng các cơ sở viện, trường để nghiên cứu thử nghiệm phát triển các sản phẩm, dịch vụ nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 lần và không quá 01 lần trên năm.	30.000	10	2	300.000	300.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	
5	**Hỗ trợ 50% chi phí đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất chuyên biệt tại hiện trường nhưng không quá 30 triệu đồng trên 01 khóa đào tạo cho một doanh nghiệp và không quá 01 khóa đào tạo trên năm**	30.000	10	2	300.000	300.000		60.000	60.000	60.000	60.000	60.000	
	Tổng số		**240**	**48**	**6.000.000**	**6.000.000**		**1.200.000**	**1.200.000**	**1.200.000**	**1.200.000**	**1.200.000**	